

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày: 17-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Quốc Trung;
2. Ông Phạm Đăng Khoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N (tên gọi khác: P), sinh ngày 14/01/1991, tại thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1965; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/5/2021, tại ngoại ngày 07/10/2021 (thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phạm Kim T, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị H, sinh năm 1965 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: Khu phố B, Phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957 (có mặt);
Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
2. Trần Thị Thảo Q, sinh năm 2000 (vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
3. Trần Thị Thảo A, sinh năm 2003 (có mặt);
Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
4. Ngô Thị T1, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị hại Phạm Kim T cho rằng trước đó trong lúc phơi quần áo thì bị cáo N đứng bên nhà có hành động mỉa mai và ngày 16/01/2021 có hành động chạy xe ngang nhà nẹt pô, do tức giận nên vào khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, bị hại T đi qua trước cổng nhà của bị cáo N chửi bới và thách thức đòi đánh tay đôi nên hai bên xảy ra cự cãi. Nghe tiếng la lớn và cự cãi phía trước, chị Trần Thị Thảo Q và chị Trần Thị Thảo A là em bà con, nhà kế bên chạy ra khuyên bị hại T về nhà. Tuy nhiên, bị hại T không chịu về mà xông tới đập thẳng vào cửa cổng nhà bị cáo N, thấy vậy bị cáo N chạy ra phía sau nhà, chỗ sàn nước lấy một con dao chạy lên trước cổng nhà dùng tay phải chém một nhát theo hướng từ trên xuống về phía bị hại T, bị hại T dùng tay trái đỡ làm vết dao trúng tay chảy máu. Lúc này, bà Nguyễn Thị L2 mẹ ruột bị hại T đưa bị hại T đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực G.

Ngày 28/01/2021, bị hại T đến cơ quan Công an trình báo sự việc và có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo N.

Tang vật thu giữ: 01 con dao dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19cm, bản rộng (hẹp nhất 0,85cm, rộng nhất 0,95cm).

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 06/CN ngày 26/01/2021 của Bệnh viện đa khoa khu vực G thì thương tích của anh Phạm Kim T (vào viện ngày 16/01/2021, ra viện ngày 26/01/2021) như sau: Vết thương mặt sau khuỷu (T) #10cm, sâu #3cm thấu khớp, mạch quay (T) rõ, gấp duỗi ngón tay (T) tốt, khuỷu (T) tốt. XQ khuỷu tay (T) thẳng nghiêng: gãy móm khuỷu (T) – khí trong ổ gãy.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 94/2021/TgT ngày 02/02/2021, của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận nạn nhân Phạm Kim T bị: Gãy móm khuỷu tay trái; sẹo vết thương dưới khuỷu tay trái, kích thước (8x0.2)cm; sẹo móm khuỷu tay trái, kích thước (4x0.4)cm; Sẹo móm 1/3 trên sau cẳng tay trái, kích thước (7x0.3)cm.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Kim T là: 13% (Mười ba phần trăm).

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSTXGC ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 4 (Bốn) năm đến 05(Năm) năm, tính từ ngày tuyên án.

Về vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19cm, bản rộng (hẹp nhất 0,85cm, rộng nhất 0,95cm).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi do mình gây ra, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người trên. Xét thấy việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thành N khai nhận, khoảng 17 giờ ngày 16/01/2021 bị cáo đang ở nhà thì anh Phạm Kim T qua trước cửa nhà bị cáo chửi và thách thức đánh tay đôi. Sau đó hai bên cự cãi, anh T có dùng tay đánh bị cáo, do tức giận nên bị cáo N chạy vào nhà lấy một con dao ra chém anh T một nhát. Anh T giơ tay trái lên đỡ làm vết dao trúng tay anh T, gây thương tích cho anh T với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì những mâu thuẫn không đáng kể mà bị cáo chém người gây thương tích. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ tính mạng và sức khỏe của người khác, mà còn gây mất trật tự ở địa phương, dư luận bức xúc trong xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, việc áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo N đã bồi thường xong cho bị hại và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của người bị hại. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, khi lượng hình.

[5] Xét thấy bị cáo N có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự giáo dục, cải tạo nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có đủ căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 con dao dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19cm, bản rộng (hẹp nhất 0,85cm, rộng nhất 0,95cm) bị cáo N khai nhận đã sử dụng để gây thương tích cho anh T nên xác định đây là công cụ phạm tội, con dao không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thành N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thành N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 32cm, cán dao bằng gỗ dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 19cm, bản rộng (hẹp nhất 0,85cm, rộng nhất 0,95cm).

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã G và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, có sự chứng kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã G).

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã G;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thúy